TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 7 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Việt Khái.
2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2024/TLST - HNGĐ ngày 17/6/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thái N, sinh năm 1989; Địa chỉ: khóm 7, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Cái Đôi Nhỏ A, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thái N tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thái N chung sống với nhau có 02 người con chung là Phạm Thái Thành Đạt, sinh ngày 01/6/2010 và Phạm Như Ý, sinh ngày 27/11/2017. Hiện các con đang chung sống với anh N nên khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh Phạm Thái N khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, anh Phạm Thái N khai không có.

Đối với chị Nguyễn Thị D (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thái N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do chị D không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N nên lời trình bày của anh N về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, anh N xác định không còn tình cảm với chị D, hiện anh và chị D không chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh N với chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh N về việc xin ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do chị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa đủ cơ sở để khẳng định việc giao con cho chị D nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Hơn nữa, việc ly hôn giữa anh chị đã phần nào xáo trộn đến cuộc sống bình thường và tâm lý của con trẻ, hiện các con đang chung sống với anh N đã ổn định. Vì vậy, cần hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của các con nên tiếp tục giao các con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh N cho rằng anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con cái nên không đặt ra yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của anh N. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, anh N khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thái N về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung là Phạm Thái Thành Đạt, sinh ngày 01/6/2010 và Phạm Như Ý, sinh ngày 27/11/2017. Hiện các con đang chung sống với anh Phạm Thái N nên khi ly hôn, tiếp tục giao các con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Phạm Thái N khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Phạm Thái N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 14/6/2024, anh N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003600 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Nguyễn Việt K, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân